

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/DS-ST
Ngày 30/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào.

Bà Lê Thị Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:** Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp K, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng uỷ quyền số 02085/2025/CCGD ngày 31/7/2025). Có mặt.

- **Bị đơn:** 1. Ông Trần Duy H, sinh năm 1981. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Nữ Thanh T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị N, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc L1 bày:

Ngày 06/9/2022, bà Bùi Thị Ngọc D cho bị đơn là ông Trần Duy H và bà Nguyễn Nữ Thanh T vay không lãi suất số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 tháng từ ngày 06/9/2022 đến ngày 06/12/2023. Việc vay tiền có lập thành

văn bản, được bị đơn bà T ký tên xác nhận. Đến hạn nhưng bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã vay.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn là ông Trần Duy H và bà Nguyễn Nữ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật, lãi suất tính từ ngày 07/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T trình bày:

Năm 2023, bà T có vay của nguyên đơn số tiền 250.000.000đ, trả lãi mỗi tháng 10.000.000 đồng. Sau đó nguyên đơn sang lại hợp đồng vay cho ông Trần Văn Q (không biết năm sinh, địa chỉ), không nhớ rõ thời gian bà D sang lại hợp đồng, từ đó bà T đóng lãi cho ông Q mỗi tháng 2.500.000đ.

Bà T xác nhận số tiền bà T còn nợ 250.000.000đ là tiền của nguyên đơn và xin trả dần 2.000.000đ/tháng vì hiện tại có hoàn cảnh khó khăn.

Bị đơn ông Trần Duy H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn bà T thừa nhận có ký kết hợp đồng để vay của nguyên đơn bà D số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và đến thời điểm hiện tại chưa trả. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn ông H có liên quan hay được hưởng lợi ích gì từ số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nên không có căn cứ buộc ông H chịu trách nhiệm liên đới. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hiện bị đơn ông Trần Duy H và bà Nguyễn Nữ Thanh T trú tại ấp V, xã P, Thành phố H nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc D đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Duy H bà Nguyễn Nữ Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ngày 06/9/2022, bà Bùi Thị Ngọc D có cho bị đơn là ông Trần Duy H và bà Nguyễn Nữ Thanh T vay không lãi suất số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 tháng từ ngày 06/9/2022 đến ngày 06/12/2023. Việc mượn tiền có lập thành văn bản, được bị đơn bà T ký tên xác nhận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Trần Duy H và bà Nguyễn Nữ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật, lãi suất tính từ ngày 07/12/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

[4.2] Bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 250.000.000đ và xin trả dần 2.000.000đ/tháng vì hiện tại có hoàn cảnh khó khăn.

[4.3]] Bị đơn ông Trần Duy H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét “Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm” (bút lục số 35) làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện được ký kết vào ngày 06/9/2022 giữa bên cho vay là bà Bùi Thị Ngọc D (nguyên đơn) với bên vay là bà Nguyễn Nữ Thanh T (bị đơn) thể hiện bà T có vay của bà D số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), không thoả thuận lãi suất, thời hạn vay là 15 tháng từ ngày ký hợp đồng. Bị đơn bà T thừa nhận có ký kết hợp đồng để vay của nguyên đơn bà D số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) và đến thời điểm hiện tại chưa trả. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”. Xét

“Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm” có thời hạn vay là 15 tháng từ ngày 06/9/2022 đến ngày 06/12/2023. Bị đơn bà T thừa nhận đến thời điểm này chưa thanh toán số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu toà án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T thanh toán số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Hợp đồng nêu trên không thể hiện có sự tham gia ký kết của bị đơn ông Trần Duy H, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H có liên quan hay được hưởng lợi ích gì từ số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, không có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bị đơn bà T trả số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn.

[8] Bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T trình bày “Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm” mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện thì nguyên đơn đã bán nợ cho ông Trần Văn Q nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, không cung cấp được địa chỉ của người tên Trần Văn Q và nguyên đơn không thừa nhận có sự việc này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn bà T cũng trình bày quá trình vay tiền của nguyên đơn và sau này nguyên đơn bán nợ cho ông Q thì bà T có đóng tiền lãi cho nguyên đơn và cho ông Q nhưng việc đóng tiền lãi không có tài liệu chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận nên lời trình bày này của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 07/12/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2026 của nguyên đơn: “Hợp đồng vay tiền không có tài sản bảo đảm” được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn bà T là hợp đồng vay không có lãi suất, có thời hạn từ ngày 06/9/2022 đến ngày 06/12/2023. Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Do đó, thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi của bị đơn được tính từ ngày 07/12/2023, mức lãi suất là 10%/năm. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau: $400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 53.680.000 \text{ đồng}$.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn Bùi Thị Ngọc D buộc bị đơn ông Trần Duy H phải liên đới trả số tiền vay cho nguyên đơn.

[11] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, 92, 147, 184, 186, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 146, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc D đối với bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T và ông Trần Duy H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc D tổng số tiền 303.680.000đ (ba trăm lẻ ba triệu, sáu trăm tám chục nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm chục triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh là 53.680.000đ (năm mươi ba triệu, sáu trăm tám chục nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc D đối với bị đơn ông Trần Duy H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với yêu cầu buộc ông Trần Duy H phải có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T trả cho nguyên đơn số tiền vay 250.000.000đ (hai trăm năm chục triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Nữ Thanh T có trách nhiệm nộp số tiền là 15.184.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc Diễm số tiền 7.232.638 đồng (bảy triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014215 ngày 05 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- THADS Thành phố H;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố H;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân